TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH O** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2024/HNGĐ - ST Ngày: 18/01/2024
"V/v: Nguyễn Ngọc C ly hôn Nguyễn Thị Như Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt và ông Lưu Bá Ngọc

Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Anh Bích, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội có thông báo số 05/TB-VKS ngày 15/01/2024 về việc không tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1992

ĐKHK: thôn Phù L, xã Cao V, huyện Thanh O, Hà Nội

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Như Q**, sinh năm 1996

Trú tại: thôn Vũ L, xã Dân H, huyện Thanh O, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Phạm Thị Bích Hảo** - Luật sư Công ty luật TNHH Đức An - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

(*Tại phiên toà: anh C, chị Q; bà Hảo có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Như Q sau một thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dân H, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được ba năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Q có quan hệ ngoài luồng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu ngày càng sâu sắc không thể giải quyết được. Đến tháng 7 năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh từng ngỏ ý hàn gắn với chị Q để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị Q không đồng ý. Chị Q yêu cầu anh C phải ra ngoài sống trong khi bố mẹ anh đang bị bệnh nặng cần người chăm sóc nên anh C thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn được, không còn chung quan điểm sống, do vậy anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q. Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Anh C trình bày, vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 19/12/2018 và cháu Nguyễn Ngọc Linh S, sinh ngày 15/4/2021. Khi ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đình Đăng K, còn chị Q nuôi cháu Nguyễn Ngọc Linh S. Anh không yêu cầu chị Q đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Như Q trình bày: Chị và anh C kết hôn năm 208 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dân H, huyện Thanh O, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu không thể giải quyết được. Đến năm 2021, chị phát hiện anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Đến tháng 8/2022, chị dọn ra ngoài ở, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đây. Trong quá trình sống ly thân, chị và anh C đã từng quay lại với nhau nhưng tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày một tăng, không có chiều hướng thuyên giảm và không thể hàn gắn được. Đối với yêu cầu ly hôn của anh C, chị đồng ý ly hôn với anh C

Về con chung: Chị đồng ý với lời trình bày của anh C, chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 19/12/2018 và cháu Nguyễn Ngọc Linh S, sinh ngày 15/4/2021. Khi ly hôn, chị Q có quan điểm đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị đề nghị anh C thanh toán số tiền mà chị đã nuôi cháu S trong một năm 2022 đến nay là 36.000.000 đồng

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Anh Nguyễn Ngọc C khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Như Q nên thuộc tranh chấp về Ly hôn

theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Q có hộ khẩu thường trú tại xã Dân H, huyện Thanh O, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:***

Căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Nguyễn Ngọc C và chị Nguyễn Thị Như Q tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dân H, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù hai bên đã thử quay lại hàn gắn nhưng mâu thuẫn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đến khoảng tháng 8 năm 2022, vợ chồng sống ly thân. Do hai người không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C đề nghị xin ly hôn với chị Q. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh C, chị Q đồng ý ly hôn nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] ***Về con chung:*** Quá trình kết hôn và chung sống, anh chị có 2 con chung là cháu Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 19/12/2018 và cháu Nguyễn Ngọc Linh S, sinh ngày 15/4/2021. Khi ly hôn, anh C có quan điểm anh nhận nuôi cháu K, còn chị Q nuôi cháu S. Chị Q không nhất trí với quan điểm của anh C, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai cháu K và cháu S.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, cả anh C và chị Q đều là công chức nhà nước, có công việc và thu nhập ổn định có thể chu cấp, chăm lo cho đời sống của các con một cách tốt nhất. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện cả về thể C lẫn tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Nguyễn Đình Đăng K cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là và giao cháu Nguyễn Ngọc Linh S cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ nhỏ.

Về trợ cấp nuôi con chung: Anh C không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi khác

Đối với yêu cầu chị Q yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/tháng và thanh toán số tiền mà chị đã nuôi cháu S từ năm 2022 đến nay là 36.000.000 đồng, qua quá trình xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy cả anh C và chị Q đều có thu nhập ổn định, đều có khả năng chăm sóc, giáo dục con cái và

đây là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của chị Q.

Tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con chung cho anh C và chị Q cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi khác

[4] ***Về tài sản chung, công nợ chung:*** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc C, cho anh Nguyễn Ngọc C được ly hôn chị Nguyễn Thị Như Q

2. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 19/12/2018 và cháu Nguyễn Ngọc Linh S, sinh ngày 15/4/2021;

-Giao cháu Nguyễn Đình Đăng K, sinh ngày 19/12/2018 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi khác

-Giao cháu Nguyễn Ngọc Linh S, sinh ngày 15/4/2021 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi khác

Tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con cho anh Nguyễn Ngọc C và chị Nguyễn Thị Như Q cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Ngọc C và chị Nguyễn Thị Như Q có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong bản án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0020549 ngày 28/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O .

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- Chi cục THADS huyện Thanh O;
- Các bên đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TIẾN DŨNG